

Số: 3655/QĐ-UBND

Đức Linh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
năm 2021 của huyện Đức Linh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND huyện Đức Linh về việc phê duyệt quyết toán ngân sách địa phương huyện Đức Linh năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của huyện Đức Linh (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Phó Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Lưu Văn thư, chuyên viên.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Văn Tĩnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	429.482	776.401	180,8%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	47.541	82.544	173,6%
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	8.600	37.877	440,4%
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	38.941	44.667	114,7%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	381.941	500.939	131,2%
-	Thu bổ sung cân đối	373.682	419.672	112,3%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.259	81.267	984,0%
III	Thu kết dư		81.417	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		104.000	
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		7.501	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	429.466	660.651	153,8%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	429.466	502.037	116,9%
1	Chi đầu tư phát triển	11.400	32.013	280,8%
2	Chi thường xuyên	409.645	466.945	114,0%
3	Dự phòng ngân sách	8.421	3.079	36,6%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		-	
II	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới		59.462	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		79.894	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		19.259	



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	461.941	391.239	843.630	674.237	182,6%	172,3%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	80.000	55.938	138.015	62.741	172,5%	112,2%
I	Thu nội địa	80.000	55.938	138.015	62.741	172,5%	112,2%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			6			
-	Thuế giá trị gia tăng			3			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			3			
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			422			
-	Thuế giá trị gia tăng			170			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			252			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			23			
-	Thuế giá trị gia tăng			23			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	27.000	21.500	57.107	24.814	211,5%	115,4%
-	Thuế giá trị gia tăng	20.400	14.900	51.439	21.980	252,2%	147,5%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.100	5.100	4.113	2.056		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100	77	39		
-	Thuế tài nguyên	1.400	1.400	1.478	739	105,6%	52,8%
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	12.500	86	20.387	(173)	163,1%	-201,2%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	5.000	2.365	10.162	7.930	203,2%	335,3%
8	Thu phí, lệ phí	6.500	4.405	4.348	1.114	66,9%	25,3%
-	Phí & lệ phí Trung ương	1.900	1.900	1.631		85,8%	0,0%
-	Phí & lệ phí tỉnh, huyện	1.946	1.946	278	278	14,3%	14,3%
-	Lệ phí môn bài	1.100	559	1.107	836	100,6%	149,6%
-	Phí & lệ phí xã, thị trấn	1.554		1.332		85,7%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	30	125	63	125,0%	210,0%
11	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.500	8.500	5.332	2.666	62,7%	31,4%
-	Thu thuê mặt nước huyện quản lý	8.500	8.500	5.332	2.666	62,7%	31,4%
12	Thu tiền sử dụng đất	9.000	9.000	19.150	19.150	212,8%	212,8%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000	1.000	6.705	3.274	670,5%	327,4%
-	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp	500	500	223	33	44,6%	6,6%

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
-	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do UBND tỉnh cấp	500	500	6.482	3.241	1296,4%	648,2%
16	Thu khác ngân sách	9.900	9.052	13.484	3.903	136,2%	43,1%
-	Thu phạt, thu khác huyện thu	3.000	3.152	1.985	838	66,2%	26,6%
-	Thu phạt ATGT	5.000	5.000	7.673	1.279	153,5%	25,6%
-	Thu phạt do thuế thực hiện	900	900	548		60,9%	
-	Thu phạt, thu khác xã thu	1.000		880		88,0%	
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			1.654	1.466		
-	Tịch thu			744	320		
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	500		763		152,6%	
II	Thu viện trợ						
B	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			81.417	68.171		
C	THU CHUYỂN NGUỒN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			104.000	94.346		
D	THU TỪ CẤP DƯỚI NỘP LÊN			19.259	7.501		
E	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	381.941	335.301	500.939	441.478	131,2%	131,7%
1	Bổ sung cân đối	373.682	327.692	419.672	373.682	142,3%	114,0%
2	Bổ sung có mục tiêu	8.259	7.609	81.267	67.796	984,0%	891,0%

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		Ngân sách huyện	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	429.466	369.344	60.122	660.651	570.600	90.052	153,8%	154,5%	149,8%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	429.466	369.344	60.122	502.037	427.654	74.383	116,9%	115,8%	123,7%
I	Chi đầu tư phát triển	11.400	11.400	-	32.013	32.013	-	280,8%	280,8%	
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.400	11.400	-	32.013	32.013		280,8%	280,8%	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-			-					
II	Chi thường xuyên	409.645	350.713	58.932	466.945	394.624	72.321	114,0%	112,5%	122,7%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	266.057	266.057		260.723	260.723		98,0%	98,0%	
2	Chi khoa học và công nghệ	-			108	108				
III	Dự phòng ngân sách	8.421	7.231	1.190	3.079	1.017	2.062	36,6%	14,1%	173,3%
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				59.462	59.462	-			
1	Bổ sung cân đối				4.030	4.030				
2	Bổ sung có mục tiêu				55.432	55.432				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				79.894	71.726	8.168			
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				19.259	11.758	7.501			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	429.466	660.651	153,83%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ		59.462	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	429.466	502.037	116,90%
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	11.400	32.013	280,82%
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.400	32.013	280,82%
	<i>Trong đó:</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		9.822	
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi y tế, dân số và gia đình			
-	Chi văn hóa thông tin		24	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
-	Chi thể dục thể thao		1.952	
-	Chi bảo vệ môi trường			
-	Chi các hoạt động kinh tế		17.830	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		2.307	
-	Chi bảo đảm xã hội		77	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	409.645	466.945	113,99%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	266.057	260.723	98,00%
2	Chi quốc phòng	6.905	12.582	182,22%
3	Chi an ninh	3.744	3.078	82,21%
4	Chi khoa học và công nghệ		108	
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin	2.939	3.055	103,95%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.031	865	83,90%
8	Chi thể dục thể thao	185	118	63,78%
9	Chi bảo vệ môi trường	1.400	1.166	83,29%
10	Chi các hoạt động kinh tế	16.824	28.148	167,31%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	76.590	92.969	121,39%
12	Chi từ nguồn xử phạt hành chính	800	663	82,88%
13	Chi khác	3.532	3.962	112,17%
14	Chi bảo đảm xã hội	29.638	59.508	200,78%
III	Dự phòng ngân sách	8.421	3.079	36,56%
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		79.894	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		19.259	

QUYẾT TOÁN THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN						QUYẾT TOÁN						SO SÁNH (%)					
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu			
				Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung chương trình MTQG			Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung chương trình MTQG			Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung chương trình MTQG
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7/1	14=8/2	15=9/3	16=10/4	17=11/5	18=12/6
	TỔNG SỐ	46.640	45.990	650	-	650	-	59.462	45.990	13.472	-	12.912	560	127%	100%	2073%		1986%	
1	Đông Hà	3.091	3.041	50		50		4.074	3.041	1.033		965	68	132%	100%	2066%		1930%	
2	Trà Tân	3.401	3.351	50		50		4.060	3.351	709		661	48	119%	100%	1418%		1322%	
3	Tân Hà	3.275	3.225	50		50		3.756	3.225	531		483	48	115%	100%	1062%		966%	
4	Đức Hạnh	3.135	3.085	50		50		3.561	3.085	476		416	60	114%	100%	951%		831%	
5	Đức Tín	4.086	4.036	50		50		4.949	4.036	913		865	48	121%	100%	1826%		1730%	
6	Đức Tài	3.707	3.607	100		100		5.323	3.607	1.716		1.716		144%	100%	1716%		1716%	
7	Nam Chính	5.045	4.995	50		50		6.696	4.995	1.701		1.633	68	133%	100%	3402%		3266%	
8	Võ Xu	4.198	4.148	50		50		4.908	4.148	760		752	8	117%	100%	1519%		1503%	
9	Vũ Hòa	3.639	3.589	50		50		4.441	3.589	852		784	68	122%	100%	1704%		1568%	
10	Me Pu	4.327	4.277	50		50		5.703	4.277	1.426		1.378	48	132%	100%	2852%		2756%	
11	Sùng Nhơn	4.170	4.120	50		50		5.988	4.120	1.868		1.820	48	144%	100%	3736%		3640%	
12	Đa Kai	4.566	4.516	50		50		6.004	4.516	1.488		1.440	48	131%	100%	2976%		2880%	

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	DỰ TOÁN						QUYẾT TOÁN														SO SÁNH (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới						Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền						Tổng số	Trong đó			
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			
								Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước								
A	B	1	2	3	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+ 11	10	11	12=13+14	12	14	8=9+ 12	9=10 +11	10	11	12=13 +14	12	14	16=5/1	17=6/ 2	18=7/3
	Tổng số	2.066	-	2.066	2.027	-	2.026,9	2.026,9	-	-	-	2.026,9	2.026,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98%	98%
I	Ngân sách cấp huyện	1.586	-	1.586	1.547	-	1.547	1.547	-	-	-	1.547	1.547	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98%	98%
1	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.436	-	1.436	1.397	-	1.397	1.397	-	-	-	1.397	1.397	-	-	-	-	-	-	-	-	-	97%	97%
2	Phòng Văn hóa & Thông tin	50	-	50	50	-	50	50	-	-	-	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	20	-	20	20	-	20	20	-	-	-	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
4	VP HĐND & UBND	20	-	20	20	-	20	20	-	-	-	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
5	Ủy ban Mặt trận TQVN	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
II	Ngân sách xã	480	-	480	480	-	479,9	479,9	-	-	-	479,9	479,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
1	Đông Hà	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
2	Trà Tân	40	-	40	40	-	40	40	-	-	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
3	Tân Hà	40	-	40	40	-	39,9	39,9	-	-	-	39,9	39,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99,8%	99,8%
4	Đức Hạnh	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
5	Đức Tín	40	-	40	40	-	40	40	-	-	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
6	Nam Chính	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
7	Vũ Hòa	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
8	Mé Pu	40	-	40	40	-	40	40	-	-	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
9	Sùng Nhon	40	-	40	40	-	40	40	-	-	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%
10	Đa Kai	40	-	40	40	-	40	40	-	-	-	40	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100%	100%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH**

THUYẾT MINH

Công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của huyện Đức Linh

I. Thu ngân sách nhà nước:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước huyện:

Tổng thu NSNN thực hiện năm 2021 là 138.015 triệu đồng, tăng 72,5% (138.015 triệu đồng/80.000 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao và HĐND huyện giao trong năm 2021, trong đó:

- + Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý là 6 triệu đồng.
- + Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý là 422 triệu đồng.
- + Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 23 triệu đồng.
- + Thu từ khu vực ngoài quốc doanh là 57.107 triệu đồng, đạt 211,5% (57.107 triệu đồng/ 27.000 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu thuế thu nhập cá nhân là 20.387 triệu đồng, đạt 163,1% (20.387 triệu đồng/ 12.500 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu lệ phí trước bạ là 10.162 triệu đồng, đạt 203,2% (10.162 triệu đồng/ 5.000 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu phí, lệ phí là 4.348 triệu đồng, đạt 66,9% (4.348 triệu đồng/ 6.500 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh.
- + Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 125 triệu đồng, đạt 125% (125 triệu đồng /100 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu tiền sử dụng đất là 19.150 triệu đồng, đạt 212,8% (19.150 triệu đồng/9.000 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 6.705 triệu đồng, đạt 670,5% (6.705 triệu đồng/1.000 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước là 5.332 triệu đồng, đạt 62,7% (5.332 triệu đồng/ 8.500 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu tiền quỹ đất công ích là 763 triệu đồng, đạt 152,6% (763 triệu đồng/500 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.
- + Thu khác ngân sách là 13.484 triệu đồng, đạt 136,2% (13.484 triệu đồng / 9.900 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao.

2. Tổng thu điều tiết cân đối ngân sách toàn huyện: 82.544 triệu đồng/ 47.525 triệu đồng, vượt thu 35.019 triệu đồng. Trong đó, vượt thu từ thuế phí là 23.343 triệu đồng; vượt thu tiền sử dụng đất là 10.150 triệu đồng (Đã loại trừ các khoản thu huy động, thu hồi các khoản chi năm nước).

- Thu điều tiết ngân sách huyện: 62.741 triệu đồng/34.043 triệu đồng, vượt thu 28.698 triệu đồng. Trong đó, vượt thu từ thuế phí là 17.082 triệu đồng;

vượt thu tiền sử dụng đất là 10.150 triệu đồng (đã loại trừ thu hồi các khoản chi năm nước).

- Thu điều tiết ngân sách xã: 19.802 triệu đồng/13.482 triệu đồng, vượt thu 6.320 triệu đồng. Trong đó, vượt thu từ thuế phí là 6.261 triệu đồng (đã trừ thu hồi các khoản chi năm nước).

3. Thu chuyển giao ngân sách:

- Tổng thu trợ cấp bổ sung từ ngân sách Tỉnh là 500.939 triệu đồng, trong đó:

+ Bổ sung cân đối ngân sách là 419.672 triệu đồng.

+ Bổ sung có mục tiêu là 81.267 triệu đồng.

4. Thu kết dư năm trước: 81.417 triệu đồng, trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp huyện: 68.171 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách cấp xã: 13.247 triệu đồng.

5. Thu chuyển nguồn: 104.000 triệu đồng

- Ngân sách cấp huyện: 94.346 triệu đồng

- Ngân sách cấp xã: 9.653 triệu đồng.

6. Thu từ cấp dưới nộp lên: 7.501 triệu đồng

II. Chi ngân sách:

Tổng quyết toán chi cân đối ngân sách năm 2021 của huyện là 502.037 triệu đồng (đã loại trừ số chi bổ sung cho ngân sách xã là 59.462 triệu đồng, chi nộp ngân sách cấp trên là 19.259 triệu đồng, chi chuyển nguồn là 79.894 triệu đồng), đạt 116,9% (502.037 triệu đồng/429.466 triệu đồng) so với dự toán UBND tỉnh giao, bao gồm:

1 Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

Dự toán đầu năm là 11.400 triệu đồng trong đó vốn XDGB tập trung là 2.400 triệu đồng, từ nguồn sử dụng đất là 9.000 triệu đồng.

Thực hiện: 32.013 triệu đồng đạt 1.055% dự toán tỉnh giao, đạt 280,8% dự toán HĐND huyện giao. Lý do tăng: trong năm UBND huyện bổ sung vốn đầu tư từ nguồn thu vượt tiền sử dụng đất, vượt thu ngân sách huyện, nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn kênh mương nội đồng, sản xuất đất lúa theo NĐ 35. *

2 Chi thường xuyên:

Dự toán tỉnh giao đầu năm 409.645 triệu đồng, HĐND huyện giao bằng với dự toán tỉnh.

Thực hiện: 466.945 triệu đồng tăng 14% so với dự toán tỉnh giao.

Chi tiết như sau:

- Chi quốc phòng: dự toán đầu năm 6.905 triệu đồng, thực hiện 12.582 triệu đồng, tăng 82%, do trong năm hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và một số nhiệm vụ khác.

- Chi an ninh: dự toán đầu năm 3.744 triệu đồng, thực hiện 3.078 triệu đồng, đạt 82,2%.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: dự toán đầu năm 266.057 triệu đồng, thực hiện 260.723 triệu đồng, bằng 98% dự toán giao.

- Chi khoa học, công nghệ: dự toán đầu năm 0 triệu đồng, thực hiện 108 triệu đồng, trong năm bổ sung có mục tiêu.

- Chi văn hóa thông tin: dự toán đầu năm 2.939 triệu đồng, thực hiện 3.055 triệu đồng, tăng 4% dự toán giao, do trong năm hỗ trợ kinh phí tuyên truyền công tác phòng chống dịch Covid-19 và một số nhiệm vụ khác.

- Chi phát thanh, truyền hình: dự toán đầu năm 1.031 triệu đồng, thực hiện 865 triệu đồng, bằng 84% dự toán giao.

- Chi thể dục thể thao: dự toán đầu năm 185 triệu đồng, thực hiện 118 triệu đồng, bằng 63,8% so với dự toán tỉnh giao.

- Chi đảm bảo xã hội: dự toán đầu năm 29.638 triệu đồng, thực hiện 59.508 triệu đồng, tăng 101% so với dự toán tỉnh giao, trong năm bổ sung trợ cấp tết nguyên đán, kinh phí cho người có công, kinh phí mại dâm, kinh phí hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Chi bảo vệ môi trường: dự toán đầu năm 1.400 triệu đồng, thực hiện 1.166 triệu đồng, bằng 83,3% so với dự toán giao.

- Chi các hoạt động kinh tế: dự toán đầu năm 16.824 triệu đồng, thực hiện 28.148 triệu đồng, tăng 67,3% dự toán giao, trong năm tỉnh bổ sung có mục tiêu để thực hiện một số nhiệm vụ chi kinh phí quy hoạch, kinh phí đào tạo lao động nông thôn, kinh phí đất theo Nghị định 35, kinh phí tiền điện hộ nghèo.

- Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể: dự toán đầu năm 76.590 triệu đồng, thực hiện 92.969 triệu đồng, tăng 21,4% dự toán giao, trong năm bổ sung kinh phí bầu cử, kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và một số nhiệm vụ khác.

- Chi khác: dự toán đầu năm 3.532 triệu đồng, thực hiện 3.962 triệu đồng, tăng 12,2% so với dự toán giao, trong năm bổ sung kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19, kinh phí tổ chức đại hội và một số nhiệm vụ khác.

- Chi từ nguồn xử phạt hành chính: dự toán đầu năm 800 triệu đồng, thực hiện 663 triệu đồng, bằng 82,9% so với dự toán được giao.

- Chi dự phòng ngân sách: dự toán đầu năm 8.421 triệu đồng, thực hiện 3.079 triệu đồng, bằng 36,6 so với dự toán được giao.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách: 79.894 triệu đồng, trong đó: cấp huyện là 71.726 triệu đồng, cấp xã là 8.168 triệu đồng.

5. Chi nộp ngân sách cấp trên: 19.259 triệu đồng, trong đó: cấp huyện là 11.758 triệu đồng, cấp xã là 7.501 triệu đồng.

6. Chi bổ sung ngân sách cấp xã: 59.462 triệu đồng.